

CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

- **Tên chuyên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**
- Mã số: 8 22 02 01
- Tên đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại Học Huế
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

Đề án mở ngành đào tạo chương trình thạc sĩ tiếng Anh được xác định theo hướng ứng dụng; thời gian đào tạo 24 tháng với tổng số 60 tín chỉ, bao gồm:

3.2.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

- Trang bị cho người học kiến thức nâng cao về ngôn ngữ Anh và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh như bản ngữ cũng như tiếng Anh được sử dụng như ngôn ngữ toàn cầu. Trên cơ sở đó người học vận dụng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ chuyên ngành tiếng Anh như biên dịch, phiên dịch, giảng dạy, v.v., trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.

- Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

b) Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức:** Người học có được kiến thức lí thuyết về ngôn ngữ học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, mở rộng và cập nhật kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh để trên cơ sở đó người học vận dụng chúng một cách chủ động, sáng tạo vào nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch, giảng dạy tiếng Anh quan hệ quốc tế, truyền thông, thương mại, du lịch, vv. trong các phạm vi, điều kiện và hoạt động công tác cụ thể, phục vụ sự nghiệp phát triển khoa học - kỹ thuật, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước.

- **Về năng lực:** Học viên tốt nghiệp cao học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn, phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn để có thể đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu tiếng Anh vì những mục đích ứng dụng chuyên biệt; biên dịch, phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành ở trình độ cao; giảng dạy tiếng Anh ở trình độ nâng cao; công tác đối ngoại, truyền thông, thương mại, du lịch, giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại các học viện, trường đại học và cao đẳng, vv.

- **Về kĩ năng:** Học viên có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết về ngữ pháp, ngữ nghĩa học tiếng Anh, ngữ dụng học tiếng Anh, ngôn bản tiếng Anh, đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, giao tiếp liên văn hoá Anh-Việt, vv để phân tích, đánh giá vai trò ngôn ngữ trong hoàn cảnh công tác cụ thể trong bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội, sử dụng văn bản nói hay viết phù hợp để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn ngôn ngữ Anh.

- **Về nghiên cứu:** Học viên nhận thức được các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu về các lĩnh vực chuyên môn thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ

Anh: Các vấn đề về lí thuyết ngữ pháp tiếng Anh, ngữ nghĩa học tiếng Anh, ngữ dụng học tiếng Anh, ngôn bản tiếng Anh, đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, giao tiếp giao văn hoá Anh-Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh.

- Vị trí hay công việc có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp: Người nhận học vị thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể làm việc trong các lĩnh vực khác nhau như:

+ Giảng dạy và nghiên cứu về Ngôn ngữ học trong các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo, các trung tâm nghiên cứu.

+ Chủ trì và tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc các cấp từ Trung ương đến địa phương có liên quan đến Ngôn ngữ học nói chung và Ngôn ngữ Anh nói riêng.

+ Công tác biên-phiên dịch.

+ Công tác đối ngoại, truyền thông, thương mại, du lịch

+ Tham gia các hoạt động xã hội khác có liên quan đến Ngôn ngữ học.

3.2.2. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra trình độ Thạc sĩ Ngôn ngữ Anh (theo quy định tại thông tư 07/2015) gồm có 3 nhóm chuẩn đầu ra như sau:

CĐR1	Kiến thức chung	CĐR1.1. Lý luận chính trị	- Biết, hiểu và có thể trình bày rõ các nguyên lý, phạm trù, qui luật của phép biện chứng và vận dụng được trong phân tích hiện thực; - Hiểu rõ chủ trương, đường lối chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam.
		CĐR1.2. Nghiên cứu khoa học	- Hiểu và xác định được vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong nghiên cứu khoa học; - Xác định phương pháp và giải pháp để giải quyết vấn đề; - Biết cách triển khai và điều chỉnh giải pháp trong quá trình ứng dụng thực tiễn.
	Kiến thức chuyên môn	CĐR1.3. Những hiểu biết, thông tin cao hơn về chuyên ngành	- Có kiến thức sâu và hiểu biết phương pháp luận khoa học về chuyên ngành ngôn ngữ Anh
CĐR2	Kỹ năng nghề nghiệp	CĐR2.1. Về chuyên môn	- Có khả năng phân tích, xử lý những vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn ngôn ngữ Anh
		CĐR2.2. Kỹ năng mềm	- Có kỹ năng tự học, tiếp tục nghiên cứu độc lập; - Có kỹ năng đàm phán, thuyết trình, viết báo cáo, trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu;

			- Có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động tại đơn vị công tác.
		CĐR2.3. Kỹ năng ngoại ngữ	- Có chứng chỉ năng lực ngoại ngữ ở trình độ Bậc 3 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
		CĐR2.4. Kỹ năng tin học	- Sử dụng thành thạo các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn ngành Ngôn ngữ Anh
CĐR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		- Phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn - Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân - Bảo vệ và chịu trách nhiệm về kết luận chuyên môn

3.2.3. Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ Anh gồm 60 tín chỉ, cụ thể được phân bố theo các nhóm kiến thức với tổng số tín chỉ được quy định như sau:

STT	Nhóm kiến thức	Tổng số TC	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn
1	Kiến thức chung	07	07	0
2	Kiến thức cơ sở	16	11	05
3	Kiến thức chuyên ngành	28	18	10
4	Luận văn	9	9	0
5	Tổng	60	45	15

3.2.4. Khối lượng kiến thức của các học phần

Các học phần ở trình độ thạc sĩ giúp học viên cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp vị trí việc làm mà học viên hướng tới sau khi tốt nghiệp, phù hợp với đề tài luận văn tốt nghiệp hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học. Danh

mục các học phần trong chương trình Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh được định danh và mã hóa như sau:

Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC
A	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG		07
01	NNTH.501	Triết học	04
02	NNTP. 502	Ngoại ngữ	03
B	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ		16
*	Học phần bắt buộc		11
03	NNEL.501	Phương pháp Nghiên cứu khoa học trong Ngôn ngữ học (Research Methods in Linguistics)	03
04	NNPA.507	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	02
05	NNEL.502	Âm vị học (Phonology)	02
06	NNEL.503	Ngữ nghĩa học (Semantics)	02
07	NNEL.504	Cú pháp học (Syntax)	02
*	Học phần tự chọn (chọn 05 trong 12 tín chỉ dưới đây)		05/12
08	NNEL.505	Tương tác ngôn ngữ (Language Contact)	02
09	NNEL.506	Nghiên cứu dịch thuật (Translation Studies)	02
10	NNPA.505	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội (Language, Culture and Society)	02
11	NNEL.507	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	03
12	NNEL.508	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	03
C	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		28
*	Học phần bắt buộc		18
13	NNEL.509	Lịch sử Ngôn ngữ học (History of Linguistic Studies)	03
14	NNEL.510	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	03
15	NNPA.523	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	03

04	NNPA. 507	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)		X	X	X	X			X
05	NNEL. 502	Âm vị học (Phonology)			X	X	X			X
06	NNEL. 503	Ngữ nghĩa học (Semantics)			X	X	X			X
07	NNEL. 504	Cú pháp học (Syntax)			X	X	X			X
08	NNEL. 505	Tương tác ngôn ngữ (Language Contact)			X	X	X			X
09	NNEL. 506	Nghiên cứu dịch thuật (Translation Studies)			X	X	X			X
10	NNPA. 505	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội (Language, Culture and Society)			X	X	X			X
11	NNEL. 507	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)			X	X	X			
12	NNEL. 508	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	X		X	X	X			
13	NNEL. 509	Lịch sử Ngôn ngữ học (History of Linguistic Studies)			X	X	X			
14	NNEL. 510	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)			X	X	X			
15	NNPA. 523	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)			X	X	X			
16	NNPA. 517	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Linguistics)			X	X	X			
17	NNEL. 511	Ngôn ngữ học chức năng (Functional Linguistics)			X	X	X			
18	NNEL. 512	Ngữ dụng học (Pragmatics)			X	X	X			
19	NNPA. 522	Các loại tiếng Anh trên thế giới (World Englishes)			X	X	X			
20	NNPA.	Tiếng Anh chuyên ngành (ESP)			X	X	X			

	508								
21	NNEL. 513	Tu từ học (Stylistics)			X	X	X		
22	NNEL. 514	Ngôn ngữ học khối liệu (Corpus linguistics)			X	X	X	X	
23	NNEL. 515	Tâm lý học ngôn ngữ (Psycholinguistics)			X	X	X		
24	NNEL. 516	Xã hội học ngôn ngữ (Sociolinguistics)			X	X	X		
25	NNEL. 517	Luận văn tốt nghiệp	X		X	X	X	X	X